

Tuần 21, 06/05/2026

Giao dịch biên độ hẹp, dòng tiền gần như mất hút

Tiêu điểm:

- Theo số liệu do Cục Thống kê Quốc gia (NSO) công bố, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam trong tháng 5 tăng 5.6% YoY, đánh dấu mức lạm phát cao nhất kể từ đầu năm 2020.
- Thâm hụt thương mại tháng 5 của Việt Nam vượt 5 tỉ USD - mức cao nhất trong 1 tháng từng được ghi nhận từ trước tới nay.
- Lãi suất liên NH qua đêm đã giảm một nửa chỉ sau hai phiên giao dịch, từ 11% xuống còn 5.5%/năm.
- Tính từ đầu năm đến hết ngày 31/5/2026, tổng số vốn giải ngân đạt 219,358,8 tỷ đồng, tương đương 21.6% kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ giao.

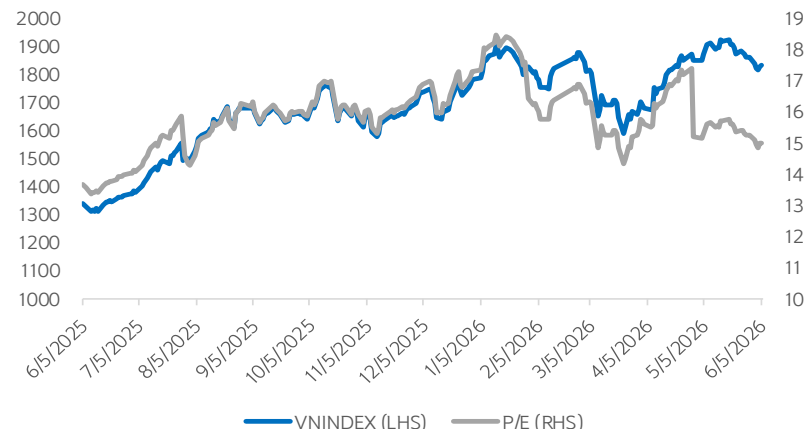
Đánh giá: Có thể thấy các thông tin vĩ mô tuần qua mang xu hướng kém tích cực. Các dữ liệu kinh tế bắt đầu cho thấy tác động tiêu cực của giá năng lượng tăng cao lên lạm phát và thâm hụt thương mại. Nhiều doanh nghiệp trong Q2 không có khả năng chuyển đổi chi phí đầu vào tăng thêm qua giá bán sẽ bị sụt giảm về biên lợi nhuận, góp phần tạo nên sự phân hóa của thị trường. Chúng tôi đánh giá đây là giai đoạn vùng trung thông tin, cùng mùa giải World Cup sắp diễn ra, góp phần khiến thanh khoản và tâm lý thị trường ảm đạm, tuy vậy đây lại là giai đoạn phù hợp cho các nhà đầu tư trung dài hạn để lấy vị thế giá thấp.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,838.9 (-24.59 điểm; -1.32%) trên đồ thị tuần với thanh khoản sụt giảm so với tuần trước và so với trung bình 20 phiên. Biên độ giao dịch hẹp và cả hai bên mua bán đều ít chủ động. Hiện chỉ số đã bật tăng kỹ thuật khi về lại vùng MA 50 trên đồ thị ngày sau nhịp điều chỉnh 3 tuần liên tục, chủ yếu do nhóm VIC điều chỉnh. Các nhóm ngành khác vẫn giữ cấu trúc đi ngang là chủ yếu.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể tập trung tích lũy các cổ phiếu có cấu trúc giá đi ngang hoặc điều chỉnh nhẹ nhưng vẫn duy trì tăng trưởng KQKD tốt cho vị thế trung hạn. Có thể xem xét các nhóm ngành như ngân hàng, thép và bất động sản. Tuy nhiên, cần giải ngân từng phần do phần lớn các nhóm ngành vẫn chưa xác nhận xu hướng tăng rõ rệt.

Dữ liệu thị trường tuần	% Thay đổi					Định giá			
	Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B
VN-Index	1,839	-1.3	-1.9	1.7	3.0		15.0	2.1	326
Upcom Index	125	-0.1	-1.7	-2.2	3.4		11.9	1.5	25
HNX Index	294	-0.4	18.7	14.1	18.1		20.0	1.7	17
VN30 Index	1,986	-0.5	-2.3	2.2	-2.2		13.2	2.1	240
S&P 500 Index	7,584	0.1	4.5	11.0	10.8		27.9	5.8	67,564
STOXX Europe 600 Index	623	-0.4	2.2	3.0	5.2		17.3	2.4	18,557
Hang Seng	24,962	-0.9	-3.6	-1.4	-2.6		13.1	1.3	3,818
Nikkei 225	66,588	0.4	11.9	20.5	32.3		24.9	3.1	6,481
SHCOMP Index	4,028	-1.0	-2.1	-2.0	1.5		1.6	1.6	9,553
STI Index	5,048	0.2	2.5	4.1	8.6		17.0	1.6	583
KOSPI Index	8,161	-3.7	17.6	46.1	93.6		23.6	2.5	4,458

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



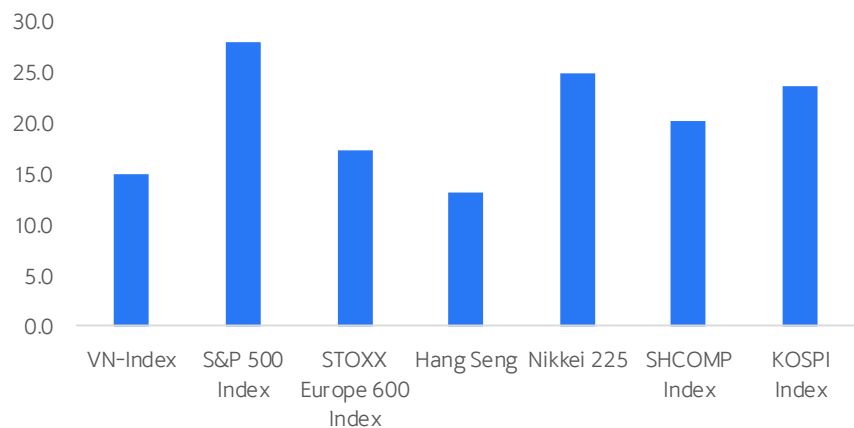
Bấm vào hình hoặc quét QR

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-1.4	-3.2	12.4	4.5	-9.5	-29.6	-32.3	-40.8	92.0	0.8	15.7	2.4	8,018,414
Mid Cap	0.6	-2.6	-2.3	-1.0	-20.0	-37.0	-47.9	-57.3	7.3	-0.9	10.5	1.2	532,201
Small Cap	-0.5	-2.9	-2.9	-8.8	-3.9	1.1	-19.9	-28.1	0.7	0.0	10.9	0.7	71,155

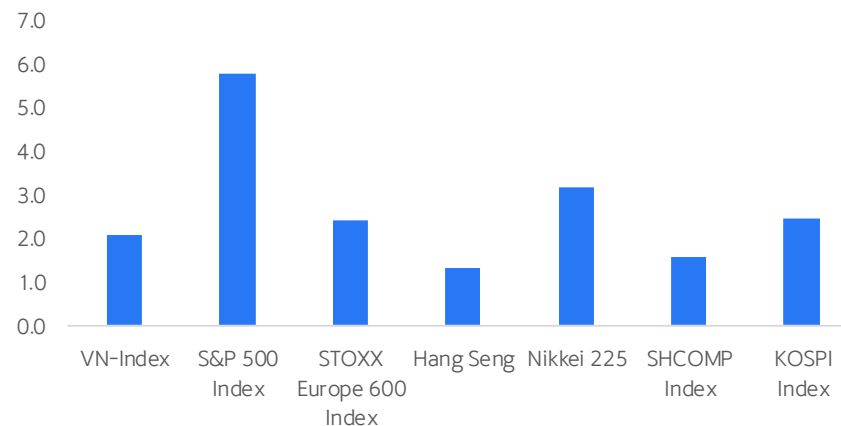
Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Công nghệ Thông tin	4.5	6.5	-1.2	-20.5	51.1	14.2	24.0	-1.5	7.2	2.9	13.7	2.9	141,817
Bảo hiểm	2.2	7.6	-1.2	16.3	-3.0	-37.9	-40.4	-55.2	0.3	0.0	15.4	1.8	64,653
Du lịch và Giải trí	1.1	3.5	17.0	-5.3	-7.3	-25.4	-24.7	-32.2	1.7	0.1	27.2	5.1	347,191
Bán lẻ	0.9	-6.4	0.0	-10.6	-3.1	-23.7	-36.9	-46.2	3.4	0.2	18.2	3.4	155,154
Truyền thông	0.4	-1.6	-8.4	-12.5	33.6	0.2	-29.5	-48.9	0.1	0.0	24.1	0.9	2,350
Thực phẩm và đồ uống	0.4	-0.3	1.1	-13.5	-8.4	-27.1	-38.2	-55.8	3.2	0.1	15.3	3.0	483,459
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.2	-10.1	7.3	-3.5	-22.7	-46.4	-46.0	-50.2	5.1	-0.8	15.5	2.2	255,081
Ô tô & Phụ tùng	-0.5	-2.9	0.9	-0.8	-12.1	-31.0	-46.6	-43.2	0.3	0.0	3.7	1.0	17,171
Dược và Y tế	-0.7	-1.7	-7.3	-7.0	-47.6	-42.3	-35.9	-31.5	0.2	-0.1	17.5	2.0	37,401
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.8	-5.1	-6.8	-3.7	-28.3	-39.1	-63.6	-75.9	0.4	-0.1	10.1	1.5	57,090
Hóa chất	-0.9	-2.0	-7.7	18.2	-4.0	-46.5	-64.3	-68.3	2.4	0.2	16.1	1.9	225,227
Ngân hàng	-1.0	-1.5	7.8	2.4	-3.8	-15.4	-15.2	-29.0	32.5	2.2	9.5	1.6	2,627,829
Tài nguyên cơ bản	-1.2	-3.1	3.1	0.0	-28.7	-42.6	-56.9	-63.4	3.4	-0.9	13.5	1.4	241,611
Xây dựng và vật liệu	-1.4	-6.0	0.0	-6.3	-17.0	-51.4	-57.2	-56.9	3.6	-0.3	10.4	1.3	134,821
Tiện ích	-1.8	7.8	-12.5	6.9	-15.1	-47.1	-46.0	-58.8	1.8	-0.1	6.9	2.1	348,309
Tài chính	-2.1	-7.7	-4.8	-0.9	-19.9	-27.3	-37.8	-44.5	12.8	-1.5	15.6	1.7	486,501
Dầu khí	-2.2	4.9	-22.8	48.4	-20.9	-50.0	-51.3	-60.4	3.3	-0.4	27.0	2.5	213,138
Bất động sản	-2.3	-6.7	40.8	12.1	-16.1	-36.6	-31.0	-34.6	18.2	-1.3	33.2	3.6	2,621,196

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-64,427	17,878	17,878
Ấn độ	-1,774	-1,774	-11,904	-27,694
Indonesia	-204	-204	-1,411	-3,359
Nhật Bản*	-3,084	18,860	82,233	70,541
Maylaysia	-204	-204	-1,093	-412
Hàn Quốc	-9,639	-9,639	-36,950	-73,964
Sri Lanka	-1	-1	-41	-105
Đài Loan	213	#N/A Requesting	17,021	-1,891
Thái Lan	218	218	248	888
Việt Nam	-289	-289	-1,554	-2,662

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,507	-22.2	-43.8	-153.5	-144.8
Nước ngoài	1,745	-16.3	-28.7	-138.6	-117.4
VanEck Vectors Vietnam ETF	563	0.0	18.0	-60.4	-24.4
Fubon FTSE Vietnam ETF	383	-8.6	-35.8	-66.1	-90.3
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	381	-3.2	-5.9	-7.1	4.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	213	-4.4	-4.4	-4.4	-6.7
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	-0.5	-0.5	-0.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	762	-5.8	-15.1	-14.9	-27.3
DCVFMVN Diamond ETF	447	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	228	-3.0	-8.0	-6.1	-19.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21	0.0	0.1	0.3	1.1
MAFN VN30 ETF	24	-2.7	-7.0	-9.8	-9.8
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	26	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	-0.1	-0.2	0.6	0.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

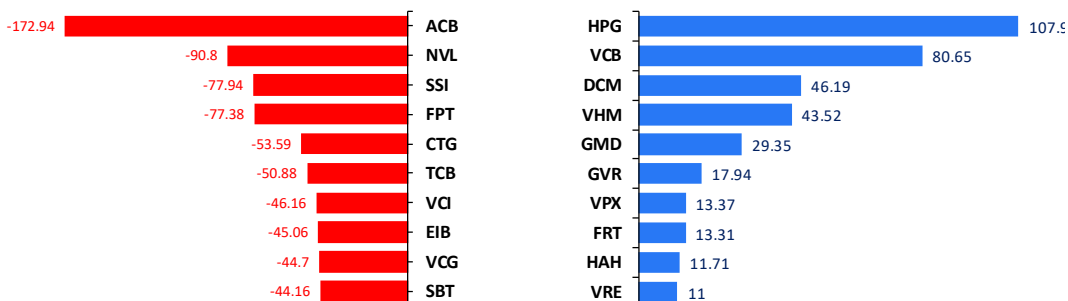
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

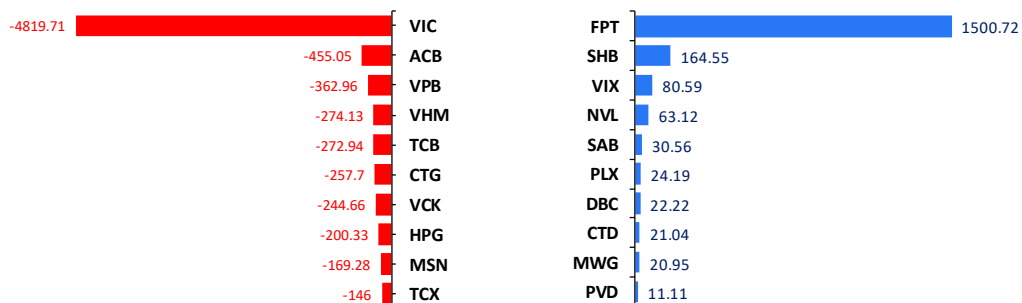
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

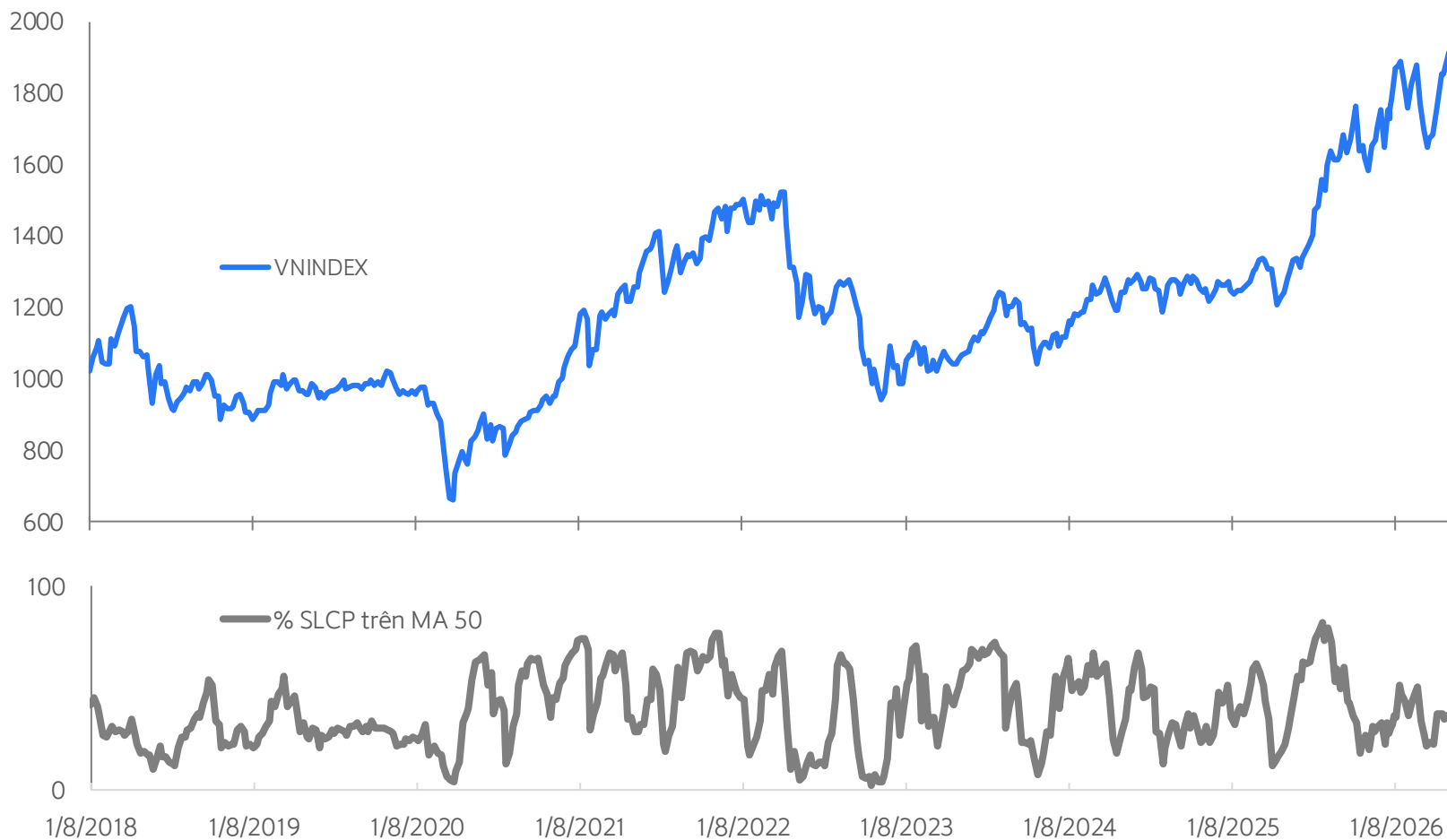
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-58	-5,475	444	5,030
Tài nguyên Cơ bản	104	-165	84	80
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	32	-39	81	-43
Y tế	0	2	161	-163
Hóa chất	66	-166	16	150
Dịch vụ tài chính	-171	-300	245	56
Du lịch và Giải trí	-3	-30	429	-400
Ngân hàng	-411	-1,876	492	1,384
Xây dựng và Vật liệu	-52	-88	131	-43
Thực phẩm và đồ uống	-114	-141	-18	158
Bán lẻ	24	-24	112	-88
Điện, nước & xăng dầu khí	-9	-74	86	-12
Hàng cá nhân & Gia dụng	0	-31	6	25
Công nghệ Thông tin	-77	1,379	-933	-446
Ô tô và phụ tùng	-1	-15	5	10
Bảo hiểm	0	20	-17	-3
Dầu khí	5	-117	19	98
Tổng	-667	-7,141	1,346	5,795

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	50	Neutral	Weak	DXG	43	Weak	Neutral	BVH	49	Neutral	Weak	HPG	40	Neutral	Weak	GEX	50	Weak	Strong
MBB	44	Neutral	Weak	NVL	31	Weak	Weak	BMI	33	Weak	Weak	NKG	42	Neutral	Neutral	VSC	32	Weak	Weak
HDB	42	Weak	Neutral	DIG	33	Weak	Weak	BIC	68	Neutral	Strong	HSG	43	Neutral	Neutral	PVT	46	Weak	Neutral
VPB	42	Neutral	Neutral	VRE	47	Weak	Neutral	VIX	47	Weak	Neutral	SMC	30	Weak	Weak	GMD	52	Neutral	Neutral
MSB	65	Strong	Strong	PDR	35	Weak	Weak	SSI	41	Neutral	Neutral	CII	32	Weak	Weak	HAH	45	Neutral	Neutral
TCB	41	Weak	Neutral	VIC	50	Weak	Strong	VND	56	Neutral	Strong	HHV	36	Neutral	Weak	GEE	42	Weak	Weak
EIB	40	Neutral	Weak	KDH	41	Neutral	Weak	VCI	35	Weak	Weak	VCG	28	Weak	Weak	VOS	40	Neutral	Weak
ACB	73	Too hot	Strong	VHM	52	Neutral	Strong	HCM	46	Weak	Neutral	PCI	38	Neutral	Weak	APH	36	Neutral	Neutral
TPB	57	Neutral	Neutral	TCH	35	Weak	Weak	TCX	34	Weak	Weak	FCN	40	Neutral	Weak	VTP	56	Neutral	Neutral
STB	53	Neutral	Strong	KBC	28	Weak	Weak	ORS	43	Neutral	Neutral	VGC	34	Weak	Weak	SBG	66	Strong	Strong
CTG	38	Weak	Neutral	HDG	34	Neutral	Weak	VDS	46	Neutral	Weak	DPG	45	Neutral	Weak	REE	35	Neutral	Weak
VIB	49	Neutral	Neutral	HDC	38	Weak	Weak	FTS	45	Neutral	Neutral	CTD	42	Neutral	Weak	PAC	38	Neutral	Weak
SSB	56	Neutral	Neutral	NLG	43	Neutral	Weak	CTS	49	Neutral	Neutral	CTR	59	Neutral	Strong	TV2	28	Weak	Weak
VCB	48	Neutral	Neutral	DXS	38	Weak	Weak	BSI	39	Neutral	Weak	HT1	39	Neutral	Weak	TCM	25	Weak	Weak
NAB	50	Neutral	Neutral	NTL	42	Neutral	Neutral	TCI	71	Strong	Strong	CTI	31	Neutral	Weak	TLG	37	Neutral	Neutral
OCB	67	Strong	Strong	SIP	26	Weak	Weak	TVB	46	Neutral	Neutral	BMP	34	Weak	Weak	PNJ	43	Neutral	Weak
BID	48	Neutral	Neutral	SZC	26	Weak	Weak	DSE	35	Weak	Weak					MSH	31	Weak	Weak
LPB	31	Weak	Weak	BCM	49	Neutral	Neutral												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	52	Neutral	Neutral	PVD	46	Neutral	Weak	MSN	38	Weak	Weak	YEG	56	Neutral	Neutral	VPL	54	Neutral	Strong
SAM	51	Neutral	Neutral	BSR	50	Weak	Strong	VNM	37	Neutral	Weak	DCL	34	Neutral	Weak	VJC	68	Strong	Strong
ELC	39	Neutral	Weak	PLX	55	Strong	Strong	DBC	40	Neutral	Weak	DBD	47	Neutral	Neutral	HVN	44	Neutral	Neutral
CMG	46	Neutral	Neutral	POW	46	Neutral	Neutral	BAF	39	Neutral	Neutral	TNH	25	Weak	Weak	SCS	36	Neutral	Weak
MWG	43	Neutral	Weak	NT2	38	Neutral	Weak	SAB	54	Neutral	Strong	JVC	44	Neutral	Weak	VNG	52	Neutral	Neutral
DGW	38	Weak	Weak	GAS	53	Neutral	Strong	ANV	26	Weak	Weak					HAX	36	Neutral	Weak
PET	57	Neutral	Strong	GEG	39	Neutral	Weak	VHC	37	Neutral	Weak					DRC	31	Weak	Weak
FRT	22	Weak	Weak	PPC	40	Neutral	Weak	MCH	44	Neutral	Weak								

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	KDH	23	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kì vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kĩ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
2	HPG	24.15	26	23.5	7.7%	Kì vọng KQKD Q1 tăng trưởng ấn tượng, Cổ phiếu đã quay lại xu hướng tăng nhưng cần xem xét kháng cự tâm lý vùng 28 - 29
3	CTD	73.8	NA	NA	NA	Cổ phiếu đã điều chỉnh về vùng giá hỗ trợ vững chắc, thanh khoản cạn.
4	MBB	25.4	28	NA	10.2%	Dấu hiệu phục hồi lan tỏa ở nhóm bank. MBB cũng là một trong những ngân hàng được cấp room tín dụng cao trong 2026

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SMA	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.31 - 11.65	8.4	-19.4%
2	VNE	Xây dựng và Vật liệu	2.23 - 8.62	2.7	-19.3%
3	TPC	Hóa chất	6.41 - 13.80	6.4	-16.8%
4	DBT	Y tế	9.99 - 12.60	10.8	-14.3%
5	LPB	Ngân hàng	30.70 - 58.30	45.7	-12.2%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
29.1%	15.8	8.60 - 15.75	Xây dựng và Vật liệu	C32
17.0%	3.4	2.48 - 4.46	Du lịch và Giải trí	DAH
13.8%	24.8	14.20 - 24.90	Bất động sản	FDC
13.5%	11.2	4.70 - 12.45	Tài nguyên Cơ bản	TNT
10.1%	7.5	5.93 - 9.91	Bán lẻ	PIT

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	OCH	Thực phẩm và đồ uống	5.20 - 10.40	6.8	-26.1%
2	BXH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.10 - 20.30	13.0	-18.8%
3	CPC	Hóa chất	15.40 - 19.80	15.6	-14.8%
4	SDU	Xây dựng và Vật liệu	7.30 - 28.80	7.3	-12.0%
5	KSF	Bất động sản	60.10 - 122.00	83.6	-10.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
56.5%	10.8	3.90 - 14.50	Truyền thông	DST
40.4%	6.6	4.20 - 10.00	Xây dựng và Vật liệu	MCO
16.1%	42.5	24.80 - 49.60	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HTC
11.1%	8.0	6.60 - 13.00	Công nghệ Thông tin	VLA
10.8%	22.5	17.10 - 34.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PTX

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	L35	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.30 - 5.50	1.3	-40.9%
2	BSD	Thực phẩm và đồ uống	8.40 - 23.00	#VALUE!	-40.0%
3	BMG	Hàng cá nhân & Gia dụng	10.50 - 20.00	11.1	-40.0%
4	UEM	Tiêu dùng không thiết yếu	#VALUE!	9.2	-39.9%
5	VHF	Thực phẩm và đồ uống	1.50 - 19.50	1.5	-34.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
41.0%	5.5	3.40 - 5.60	Xây dựng và Vật liệu	DCR
40.0%	9.1	5.60 - 14.00	Bán lẻ	TV6
37.9%	14.2	9.10 - 27.80	Hàng cá nhân & Gia dụng	TNV
35.1%	7.7	3.70 - 10.20	Xây dựng và Vật liệu	TA6
31.1%	24.9	13.40 - 26.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HBD

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	CRE	Bất động sản Thế Kỳ	Bất động sản	3,362.9	397.8	7.9	3.65 - 5.73	7.3
2	VAB	Ngân hàng Việt Á	Ngân hàng	10,638.0	284.0	10.7	9.49 - 14.90	2.4
3	TTA	XD và PT Trường Thành	Xây dựng và Vật liệu	11,169.1	235.9	10.7	9.86 - 12.85	2.9
4	TDC	Becamex TDC	Bất động sản	3,039.4	219.7	10.4	10.25 - 14.80	-3.3
5	HSG	Tập đoàn Hoa Sen	Tài nguyên Cơ bản	70,315.9	160.7	12.0	10.50 - 16.31	-3.6
6	VND	Chứng khoán VNDIRECT	Dịch vụ tài chính	524,042.8	160.4	17.6	14.30 - 27.35	4.5
7	MIG	Bảo hiểm Quân đội	Bảo hiểm	7,615.1	153.8	17.8	15.00 - 21.35	-4.6
8	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20,573.5	150.0	28.7	28.25 - 44.20	-1.9
9	OCB	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	30,914.4	121.6	12.3	9.91 - 15.40	6.5
10	ACG	Gỗ An Cường	Tài nguyên Cơ bản	405.5	99.5	33.0	32.00 - 39.00	-3.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

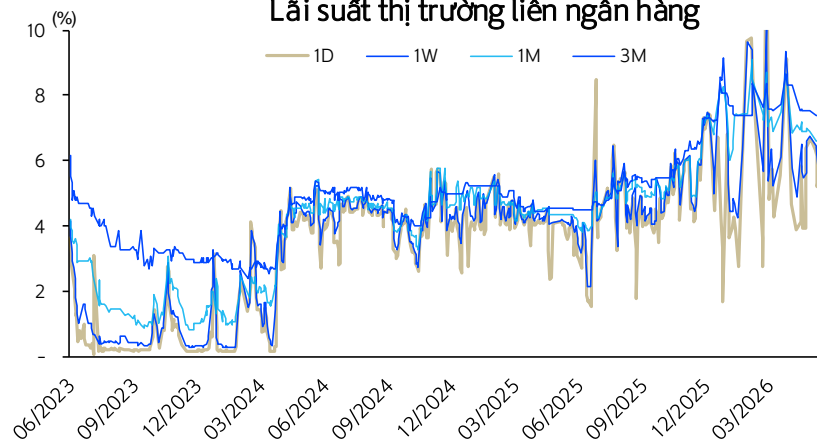
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	99.24	0.3	0.8	-0.1	0.9	
VND/USD	26,335	0.1	0.0	0.6	0.1	
KRW/USD	1,539.30	2.4	4.4	3.8	6.9	
JPY/USD	159.93	0.4	1.3	1.5	2.1	
EUR/USD	0.86	0.2	0.5	-0.3	0.9	
SGD/USD	1.28	0.6	0.7	0.2	-0.1	
CNY/USD	6.77	0.1	-0.9	-2.0	-3.1	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	92.46	5.8	-9.6	14.1	61.0	
Xăng	303.60	-2.9	-16.1	13.7	78.0	
Gas	3.33	1.3	19.5	11.0	-9.6	
Than	147.55	12.2	8.9	12.1	37.3	
Vàng	4,464.89	-1.7	-2.0	-12.1	3.4	
Bạc	72.65	-3.5	-0.3	-11.7	1.4	
Platinum	1,884.26	-1.9	-3.7	-11.2	-8.6	
Quặng sắt	101.96	-6.5	-5.7	1.9	-4.8	
Thép cán	3,398.00	-0.4	0.0	4.9	3.9	
Lúa mì	580.75	-4.9	-5.8	-0.3	14.5	
Ngô	422.00	-5.5	-9.3	-4.4	-4.1	

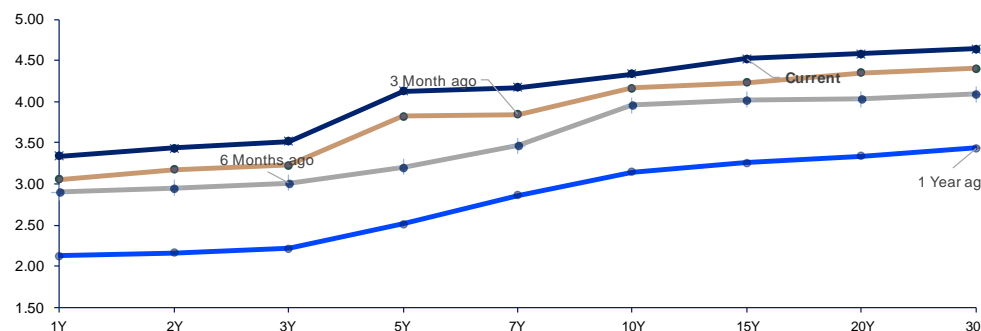
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.34	3.44	3.52	4.13	4.17	4.33	4.52	4.23	4.02
Thay đổi (WoW)	4.60	3.70	5.00	0.60	0.20	1.30	1.90	9.50	9.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.